

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM Ở LÀO

Tóm tắt: Bài viết nhằm góp thêm tư liệu nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo trong cộng đồng người Việt Nam ở Lào nói riêng. Nội dung bài viết trình bày 3 nội dung: 1) Lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo Việt Nam tại Lào từ năm 1955 đến nay; 2) Thực trạng Phật giáo Việt Nam tại Lào; 3) Một số vấn đề đặt ra tại các ngôi chùa Việt ở Lào hiện nay. Qua việc tìm hiểu về những ngôi chùa Việt ở Lào, tác giả sẽ minh định về thời gian du nhập và phát triển của Phật giáo Việt Nam tại Lào và những hoạt động Phật sự của Phật giáo Việt Nam trong đời sống cộng đồng người Việt tại Lào. Từ đó để thấy được những vấn đề khó khăn đang tồn tại, tìm ra giải pháp để Phật giáo Việt Nam tại Lào phát triển bền vững hơn trong tương lai.

Từ khóa: Chùa Việt; cộng đồng; người Việt; Lào; Phật giáo Việt Nam.

Dẫn nhập

Lào là quốc gia có chung đường biên giới tự nhiên phía Đông dài nhất với Việt Nam. Dân tộc Lào là người bạn, người anh em thân thiết nhất của dân tộc Việt Nam. Từ xa xưa, qua những ngã đường biên giới dọc theo dãy Trường Sơn, hai dân tộc Việt Nam - Lào đã thường xuyên đi lại và trao đổi kinh tế với nhau. Đến nay, người Việt là cộng đồng ngoại kiều đông nhất, với khoảng 100.000 người¹, định cư trên khắp các tỉnh, thành ở Lào.

Đại đa số người Việt ở Lào là tín đồ Phật giáo hoặc có cảm tình với Phật giáo. Trước khi có ngôi chùa Việt ở Lào, người Việt đi lễ Phật và sinh hoạt tâm linh ở chùa Lào với sư tăng Lào. Mặc dù cũng là Phật giáo,

* Đại đức, Chánh Thư ký Ban Điều phối Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Lào.
Ngày nhận bài: 12/9/2019; Ngày biên tập: 17/9/2019; Duyệt đăng: 23/9/2019.

chùa cũng thờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhưng trong tâm khảm của di dân Việt ở Lào dường như còn xa lạ với Phật giáo của người Lào, không thỏa lòng khát ngưỡng tâm linh với hình tượng đức Phật, với ngôi chùa thân quen ẩn hiện sau những cây đại thụ của làng quê. Qua thời gian, người Việt ở Lào đã cùng nhau xây dựng nên những ngôi chùa Việt ở đây để đáp ứng những ước vọng tâm linh về truyền thống văn hóa dân tộc. Hiện nay, ở các tỉnh thành lớn của Lào, như: cố đô Luang Phabang, thủ đô Viêng Chăn, tỉnh Khammuan, tỉnh Savannakhet và tỉnh Champasak, đều có sự hiện diện của ngôi chùa Việt.

1. Lịch sử hình thành và phát triển Phật giáo Việt Nam ở Lào

1.1. Giai đoạn du nhập đến trước năm 1955

Người Việt đã có mặt ở đất Lào từ rất sớm, khoảng thế kỷ 6 Tây lịch². Từ đó về sau, dưới triều đại nào, giai đoạn nào và với nhiều lý do khác nhau, cũng đều có di dân Việt sang xứ sở Triệu Voi. Trong đoàn di cư đó, chắc hẳn có người là Phật tử, thậm chí là tu sĩ Phật giáo. Vào năm 1781, vua Gia Long cùng đoàn tùy tùng vượt biên giới sang Lào rồi đến kinh đô Bangkok lánh nạn. Sau đó, hầu hết trong số họ quyết định ở lại Thái Lan. Họ đã mang theo văn hóa Phật giáo Việt Nam, xây dựng chùa Việt, thành lập An Nam tông (Annamnikaya) ở Thái Lan tồn tại cho đến ngày nay³. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một tài liệu hay dấu tích nào đề cập đến sự có mặt của Phật giáo Bắc tông Việt Nam ở Lào trước thế kỷ 20. Từ sự thiếu vắng đó, chúng tôi phải căn cứ vào tư liệu khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu các đối tượng có liên quan (người Việt ở Lào, các vị tăng ni,...) tại một số địa phương có ngôi chùa Việt. Từ việc xác định niên đại ra đời của ngôi chùa để xác định sự có mặt của Phật giáo người Việt ở Lào.

Ở buổi đầu di cư, người Việt chỉ đi lại với tính chất riêng lẻ và chủ yếu ở các vùng giáp biên giới hai nước Việt Nam - Lào để chờ thời quay về cố hương. Đến khi Pháp tiến hành chính sách chia Việt Nam - Lào - Campuchia thành 5 vùng thuộc Liên bang Đông Dương. Lúc bấy giờ, Việt Nam và Lào không còn là hai quốc gia, hai triều đại khác biệt nữa, mà là hai vùng đất đặt dưới sự cai trị của một chính quyền ngoại bang. Chính điều đó đã tạo điều kiện đi lại giữa Việt Nam và Lào dễ dàng hơn, và làm cho số lượng người Việt ở Lào tăng vọt,

tập trung thành những cộng đồng ở nhiều tỉnh thành lớn của Lào. Trước hoàn cảnh xa quê hương, bất an, gian khổ trong thời chiến tranh loạn lạc, cho nên nhu cầu về tâm linh, về cầu an trong cuộc sống hàng ngày luôn thường trực trong mỗi người dân Việt ở Lào, không chỉ là những người bị Pháp đưa sang Lào để làm phu trong các hầm mỏ, đồn điền, làm công nhân cầu đường mà còn có cả những người là viên chức người Việt phục vụ bộ máy công quyền thực dân Pháp ở Lào. Những ngôi chùa, ngôi đền đầu tiên của người Việt ở Lào đã ra đời vào thời kỳ này, không ngoài mục đích đáp ứng nhu cầu tâm linh của cộng đồng người Việt trước hoàn cảnh bất an trong cuộc sống thời cuộc lúc bấy giờ.

Lịch sử hình thành và phát triển Phật giáo Bắc tông của người Việt ở Lào được thể hiện qua quá trình ra đời và phát triển của các ngôi chùa của người Việt ở Lào.

Ông Trần Đền, sinh năm 1927, nguyên Chủ tịch Hội người Việt Nam tỉnh Savannakhet, là một trong những người Việt cao tuổi nhất còn sống ở tỉnh Savannakhet. Ông cho rằng, chùa Bảo Quang có trước khi ông sinh ra, do một người Việt họ Đặng, quê ở Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình sang định cư ở đây rồi xây dựng chùa, nhưng không biết chính xác năm nào⁴. Theo ông Phạm Văn Tuyên - hiện là Hội trưởng Hội Phật tử ở Savannakhet, Trưởng Ban Hộ tự của chùa Bảo Quang - chùa Diệu Giác⁵ và Ni sư Thích Đàm Luân hiện là trụ trì chùa Diệu Giác⁶ thì chùa Bảo Quang được xây dựng trước chùa Diệu Giác nhiều năm⁷, nhưng đáng tiếc không rõ năm nào. Bà Trần Thị Nhơn, năm nay 88 tuổi, sống trước cổng chùa từ khi lên định cư ở Savannakhet cho biết, trước đây có hai vợ chồng họ Đặng sống với nhau nhiều năm không có con, sau đó ông tự tử chết, nên người vợ hiến cúng một mảnh đất để làm chùa xin hồi hướng công đức cho chồng. Sau đó, người cháu của ông cúng dường tiếp ít đất nữa để mở rộng thêm. Trước đây, xung quanh khu vực chùa toàn là vườn cây. Về sau, cộng đồng Phật tử quyên góp tiền của tiếp tục xây dựng với quy mô lớn hơn. Trước khi đại trùng tu, trong chùa cũng có gian thờ thần. Đến năm Pháp tái chiếm lại Lào lần hai, nghi ngờ trong chùa có bộ đội cách mạng ẩn náu, nên Pháp đã quản lý chùa một thời gian. Đến khi

rút quân hoàn toàn ra khỏi nước Lào, Pháp giao ngôi chùa này lại cho người Lào quản lý. Người Lào thấy đây là ngôi chùa Việt nên cũng đã giao lại cho người Việt trông nom⁸. Qua lời kể của bốn nhân chứng nói trên, có thể khẳng định ngôi chùa Việt có niên đại sớm nhất ở nước Lào đó là chùa Bảo Quang ở thành phố Kaysone, tỉnh Savannakhet hiện nay. Chùa được thành lập vào khoảng những năm đầu của thập niên thứ 2 của thế kỷ XX. Những ngôi chùa thành lập muộn hơn góp phần xác định thời gian du nhập Phật giáo Việt Nam vào Lào, như: chùa Diệu Giác (1932) ở Savannakhet, chùa Trang Nghiêm (1938) ở Champasak, chùa Bồ Đề (1939) ở Khammuan và chùa Bàng Long (1942) ở Viêng Chăn. Cả năm ngôi chùa nói trên ở buổi đầu ra đời chỉ là những thảo am nhỏ, về sau tu sửa dần trở thành những ngôi chùa trang nghiêm hơn, mang đặc trưng văn hóa của ngôi chùa Phật giáo Việt Nam. Như vậy, niên đại Phật giáo Việt Nam du nhập vào Lào sớm nhất là vào đầu thế kỷ XX, với việc ra đời của ngôi chùa Bảo Quang ở tỉnh Savannakhet, miền Trung nước Lào.

Qua khảo sát lịch sử hình thành năm ngôi chùa kể trên, cho thấy ở giai đoạn này, Phật giáo của người Việt ở Lào chỉ mới đặt nền móng và ra đời với tính chất đơn lẻ. Bốn trong năm ngôi chùa đều do cư sĩ Phật tử người Việt đứng ra thành lập và quản lý, thiếu sự truyền giáo chính thống từ Phật giáo Việt Nam qua sự hướng dẫn của tăng ni. Song, điều này lại cho thấy nhu cầu tâm linh và tín tâm mạnh mẽ của cộng đồng người Việt ở Lào đối với Phật giáo trong điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn lúc bấy giờ. Nhìn chung, dù ra đời với tính chất tự phát ở buổi đầu du nhập, nhưng Phật giáo Việt Nam tại Lào luôn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam và nhân dân Lào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

Qua khảo sát lịch sử di cư và hình thành cộng đồng người Việt ở Lào cho thấy ở các tỉnh miền Trung Việt Nam như từ Nghệ An, Hà Tĩnh đến Quảng Bình và Quảng Trị có nhiều nơi, nhiều con đường đi lại thuận lợi của cư dân giáp biên giới giữa hai nước Lào - Việt Nam. Trong *Phủ Biên Tạp Lục* (thế kỷ XVIII), Lê Quý Đôn đã từng mô tả phiên chợ biên giới sầm uất ở vùng Cam Lộ thuộc tỉnh Quảng Trị ngày nay. Cứ đến phiên chợ của người Việt ở đây, người Lào từ bên kia biên

giới đưa trâu bò, chở lâm sản bằng voi sang để đổi lấy mắm, muối, cá kho, đồ sắt, nồi đồng của người Việt. Và chính bằng những con đường này mà người Việt di cư sang Lào vào những giai đoạn sau⁹.

Mặc dù Viêng Chăn là thủ đô của nước Lào từ thế kỷ 16 đến nay, nhưng do vị trí cách trở về địa lý, nên địa vực cư trú lựa chọn đầu tiên, quần cư thành cộng đồng đông và lập chùa của người Việt ở Lào không phải Viêng Chăn, mà là các tỉnh miền Trung và Nam Lào. Trước tiên là tỉnh Khammuan và Savannakhet, đây là hai tỉnh đồng bằng có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất ở miền Trung của Lào và có đường thông thương, thuận lợi nhất giữa Việt Nam và Lào. Có lẽ, đây là lý do để lưu dân Việt hình thành cộng đồng đông và lập chùa sớm nhất, không phải chỉ một ngôi chùa, mà có đến ba ngôi chùa Việt có niên đại sớm nhất ở Lào. Qua nguồn gốc đất lập chùa Bảo Quang, do một gia đình phát tâm cúng dường, có thể thấy đời sống cộng đồng và nhu cầu tâm linh của người Việt ở Savannakhet lúc bấy giờ hết sức mạnh mẽ và chưa chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Lào.

Sau khi định hình ở miền Trung Lào, tiếp tục theo bước chân di cư của người Việt, Phật giáo Việt Nam đã có mặt ở miền Nam Lào. Pakse không chỉ là thành phố của tỉnh Champasak, mà còn là trung tâm phát triển nhất của 4 tỉnh ở Nam Lào. Trong lịch sử di cư, khẩn hoang, lập làng, lập bản để định cư, cộng đồng người Việt ở miền Nam Lào, đặc biệt tỉnh Champasak, luôn chiếm số lượng đông so với các nơi khác. Điều này lý giải vì sao Phật giáo Việt Nam du nhập vào vùng Nam Lào sớm và có số lượng chùa nhiều nhất ở Lào. Có đến 4 ngôi chùa ở thành phố Pakse, như: Trang Nghiêm, Long Vân, Thanh Quang và Kim Sơn. Đặc biệt, các chùa ở đây có mối quan hệ thân thiết với Phật giáo trong nước hơn các địa phương khác.

Càng lên phía Bắc thì sự giao thông giữa Việt Nam và Lào càng khó khăn hơn. Mặt khác, Viêng Chăn và Luang Phabang từng là kinh đô, thủ phủ của chính quyền phong kiến, nhà nước Lào, cho nên để hình thành cộng đồng cư dân với bản sắc văn hóa Việt chắc hẳn có phần khó khăn hơn. Hiện nay, phần lớn người Việt thành đạt ở Viêng Chăn đều có nguồn gốc từ các vùng khác đến, đặc biệt là Champasak và Xiengkhoang. Vì thế, dấu ấn Phật giáo Việt Nam ở Viêng Chăn

muộn hơn so với các tỉnh miền Nam là điều dễ nhìn thấy được, mặc dù trong lịch sử cũng như hiện nay, các ngôi chùa Việt ở Viêng Chăn luôn có vai trò quan trọng và phát triển hơn các địa phương khác. Cuối cùng, muộn nhất và kém phát triển nhất, nhưng đặc biệt nhất là cố đô Luang Phabang. Đây là khu vực xưa kia ít người Việt sinh sống và chủ yếu là người Việt theo Công giáo. Hiện nay, có một số người Việt ở đây vừa theo Công giáo vừa tham gia sinh hoạt lễ hội ở chùa Việt.

1.2. Giai đoạn ra đời tổ chức Phật giáo Việt Nam tại Lào (1956 - 1977)

Đến cuối năm 1955, Đại đức Thích Thiện Liên trụ trì chùa Bàn Long và ông Trịnh Văn Phú - nguyên Hội trưởng Hội Phật giáo Việt kiều tại thủ đô Viêng Chăn, đã gửi thư thỉnh nguyện về Giáo hội Tăng già Trung Việt tại Huế, thỉnh cầu Giáo hội cử chư tăng có năng lực, có đức độ sang đảm nhiệm Phật sự của Phật giáo người Việt tại Lào. Lúc bấy giờ, Hòa thượng Thích Nhật Liên (1923-2010) được Giáo hội ủy nhiệm đảm trách Phật sự quan trọng này. Năm 1956, Hòa thượng được toàn thể chư tăng và Phật tử Việt kiều ở Viêng Chăn suy tôn lên ngôi Đạo thống Phật giáo Việt Nam tại Lào, kiêm trụ trì chùa Bàn Long. Nhân duyên Phật pháp bổ sứ, trong thời gian này còn có Hòa thượng Thích Quảng Thiệp, Hòa thượng Thích Thanh Tuất, Hòa thượng Thích Trung Quán, người trước người sau, từ Việt Nam sang Lào, cùng trú tại chùa Bàn Long. Có lẽ vì thế, hiện nay bảng chùa Bàn Long vẫn còn ghi là *chùa Trung Ương Bàn Long*. Lúc bấy giờ, Hòa thượng Thích Trung Quán được suy tôn làm Trưởng ban Hoằng Pháp ở Viêng Chăn và Luang Prabang, còn Hòa thượng Thích Minh Lý được suy tôn làm Trưởng Ban Hoằng Pháp ở các tỉnh Trung và Nam Lào. Kể từ khi có tổ chức thống nhất, Phật giáo Việt Nam tại Lào ngày càng phát triển lớn mạnh từ trung ương đến các địa phương. Tại thủ đô Viêng Chăn có Tòa Đạo thống và Viện Hoằng pháp Trung ương; tại các tỉnh, thị, đông đảo Phật tử Việt kiều cư trú, có Ban Đại diện Phật giáo Việt Nam. Tại chùa Bàn Long, Hòa thượng Thích Nhật Liên đã cho thành lập Viện Phật học Huyền Quang để nghiên cứu và dịch thuật kinh điển. Ngoài ra, Ngài đã chứng minh thành lập Ni bộ Phật giáo Đại thừa Việt Nam đầu tiên tại Lào để tiếp độ Ni

chúng người Việt. Đồng thời, tổ chức sinh hoạt cho Gia đình Phật tử tại các chùa trên khắp nước Lào để xây dựng nòng cốt ngoại hộ cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam ở Lào.

Trong thời gian hoằng pháp, lãnh đạo của 5 vị hòa thượng (Hòa thượng Thích Nhật Liên, Hòa thượng Thích Minh Lý, Hòa thượng Thích Quảng Thiệp, Hòa thượng Thích Thanh Tuất và Hòa thượng Thích Trung Quán) đức cao vọng trọng đã khuyến hóa bà con người Việt Nam sinh sống ở Lào quy ngưỡng Tam Bảo ngày càng nhiều và có không ít người đã thế phát xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, làm ruộng cật tiếp nối sự nghiệp truyền trì mạng mạch Phật giáo Bắc tông Việt Nam ở Lào cho đến ngày nay. Bên cạnh thiết lập hệ thống tổ chức Giáo hội, Hòa thượng Đạo Thống cùng với các vị hòa thượng khác đã đem hết tâm lực phát triển Phật pháp, tiếp Tăng độ Chúng và hướng dẫn đồng bào Phật tử sống theo đúng giáo lý của đức Phật. Bước chân của các ngài đi đến đâu đều trang nghiêm Phật cảnh ở đó. Các ngài đã ra sức vận động phát triển cơ sở từ Bắc chí Nam, để đáp ứng đời sống tâm linh cho bà con bá tánh người Việt Nam đang sinh sống ở mỗi địa phương trên đất Lào. Có thể nói, giai đoạn này là thời gian “nở rộ” chùa Việt ở Lào. Trong số 14 ngôi chùa Việt ở Lào hiện nay thì có đến 8 ngôi chùa được xây dựng ở giai đoạn này. Không những thế, tất cả những ngôi chùa ra đời trước đó đều được các vị hòa thượng trùng tu lại lớn hơn, trang nghiêm hơn và cũng cho đắp lại tất cả các tượng Phật chính trong chính điện với kích thước lớn hơn.

Năm 1959, từ nền cũ chùa bản của người dân Lào bị bỏ hoang, Hòa thượng Thích Thanh Tuất và bà con Việt kiều ở Luang Phabang xin Giáo hội Phật giáo Lào được phép trùng tu ngôi chùa này, với tên là wat Phabat (chùa Phật Tích). Sau đó, Hòa thượng Thích Trung Quán tiếp tục hoàn thiện ngôi chính điện và xây thêm công tam quan và tháp xá lợi bên phải của chùa. Đây là ngôi chùa Việt duy nhất ở cố đô Luang Prabang và cũng là ngôi chùa làng của người dân Lào ở bản Phabat. Ở Viêng Chăn, năm 1960, Hòa thượng Thích Nhật Liên đã phát nguyện đại trùng tu lại chùa Bàng Long với ngôi chính điện theo lối kiến trúc kết hợp Âu - Á nguy nga, đẹp đẽ hơn để làm trụ sở của Giáo hội Phật giáo người Việt Nam ở Lào. Đồng thời, Hòa thượng

chứng minh cho Ni sư Thích Diệu Thiện tu sửa lại ngôi miếu thờ âm hồn tại nghĩa trang ngoại kiều, chủ yếu là người Việt, ở gần chợ Sáng, thành am Phật Tích Linh Ứng, về sau trở thành ngôi chùa của Ni chúng ở Viêng Chăn. Hiện nay, ngôi chùa này là ngôi chùa Việt nguy nga và phát triển nhất ở Lào. Ngoài ra, Hòa thượng còn thiết lập nghĩa trang Phật giáo (gọi là Thánh địa Phật giáo) cho cộng đồng người Việt cách trung tâm thủ đô Viêng Chăn khoảng 10 km và cũng tại nghĩa trang này đã xây dựng thêm một ngôi chùa nữa đó là chùa Đại Nguyên. Cũng trong năm 1960, nhân duyên hội ngộ, nhân duyên xuống miền Nam Lào hoằng pháp, Hòa thượng Thích Quảng Thiệp đã khuyến hóa gia đình họ Đoàn quy y Tam Bảo và không lâu sau đó thế phát xuất gia. Hòa thượng đã chứng minh cho gia đình họ Đoàn lập chùa Thanh Quang để cho con cháu trong dòng họ xuất gia kế tục trụ trì cho đến ngày nay. Đến năm 1964, được sự hỗ trợ của nhị vị Hòa thượng Thích Trung Quán và Hòa thượng Thích Nhật Liên, bà con Phật tử ở Pakse, Champasak đã trùng tu lại thảo am Long Vân thành chùa. Long Vân với kết cấu bê tông cốt thép kiên cố mang đặc trưng kiến trúc của một ngôi chùa Bắc tông Việt Nam. Tiếp theo đó, vào năm 1966, sau khi về Sài Gòn tham gia đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo và yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm đáp ứng những nguyện vọng của Phật giáo đồ Việt Nam, Hòa thượng Thích Minh Lý trở lại Champasak và cho khởi công xây dựng chùa Kim Sơn. Rồi đến năm 1969, Hòa thượng Thích Thanh Tuất cho trùng tu lại chùa Hoa Nghiêm ở Savannakhet (nay tên là chùa Pháp Hoa). Ngoài ra, các vị hòa thượng còn hỗ trợ bà con Phật tử địa phương trùng tu lại chùa Bò Đề ở Thakhek, chùa Bảo Quang và chùa Diệu Giác ở Savannakhet.

Năm 1969, do một số yếu tố khách quan và những xung đột giữa nhiều thế lực thù địch và tình hình chiến tranh cục bộ đương thời, Hòa thượng Thích Nhật Liên được điều động về Việt Nam, để lại trong lòng Tăng Ni và Phật tử Việt kiều tại Lào một khoảng trống to lớn. Ngay sau đó, sự nghiệp dẫn dắt con thuyền Phật giáo Việt Nam ở Lào được Hòa thượng Thích Trung Quán tiếp nối và kiêm trụ trì chùa Bàng Long. Sau năm 1975, các vị hòa thượng sau một thời gắn bó với bà con Phật tử người Việt ở Lào đã lần lượt rời khỏi Lào theo lý tưởng xiển dương Phật pháp, có người về Việt Nam, có người tiếp tục ra hải

ngoại. Đến năm 1977, Hòa thượng Thích Trung Quán được thỉnh sang Pháp và cũng bắt đầu từ thời điểm này Tổ chức Phật giáo Việt Nam ở Lào chính thức tan rã.

1.3. Giai đoạn từ 1978 đến nay

Sau một thời gian hơn một thập kỷ phát triển hưng thịnh, Phật giáo của người Việt tại Lào đã đi vào giai đoạn suy thoái. Trước năm 1977, nếu như số lượng chư tăng ni tại các ngôi chùa Việt khắp nước Lào lên đến hàng chục vị thì sau năm 1977 con số đó chỉ còn được chưa đến 10 vị. Tình hình sinh hoạt tại các chùa ở các địa phương thiếu sự hỗ trợ lẫn nhau, sinh hoạt riêng lẻ, thậm chí có chùa không có sư để hướng dẫn bà con tụng kinh, niệm Phật. Mãi đến những năm sau khi Việt Nam - Lào miễn thị thực (năm 2004), tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho công dân hai nước mang hộ chiếu phổ thông, Phật giáo Việt Nam ở Lào bắt đầu khởi sắc trở lại, điển hình nhất là ra đời của Tịnh xá Ngọc Tâm ở Viêng Chăn. Đây là ngôi tịnh xá duy nhất của hệ phái Khất sĩ Việt Nam có mặt ở Lào, góp phần đa dạng sắc thái trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam tại Lào.

Năm 2000, chính phủ Lào có dự án xây dựng trung tâm vui chơi giải trí cho nhân dân thành phố ở khu chợ Khuadin, bên cạnh bến xe bus trung tâm Viêng Chăn hiện nay, nên đã di dời nhân dân ở đây đến nơi định cư mới ở bản Chansavang, cách trung tâm khoảng 12 km về hướng Bắc. Từ trước những năm 1990, khu chợ Khuadin vốn là nơi người Việt buôn bán, sinh sống, vì thế trên 80% người dân của khu định cư mới ở bản Chansavang là người Việt. Lúc bấy giờ có một Việt kiều là Phật tử Bảo Ngọc đứng ra đại diện cho bà con người Việt ở bản Chansavang kết hợp với Thượng tọa Thích Minh Quang và Thượng tọa Thích Minh Thiện - Việt kiều Australia cùng nhau kiến lập ngôi tịnh xá để làm nơi sinh hoạt tâm linh cho bà con người Việt ở nơi định cư mới này. Đến nay, đã trải qua hơn 10 năm chung sức chung lòng của cộng đồng người Việt ở Viêng Chăn, nhưng do tài chính hạn hẹp, đặc biệt bà con Phật tử ở khu định cư mới này phần lớn là dân nghèo, do đó đến nay ngôi tịnh xá này mới chỉ hoàn thành được ngôi nhà tầng, mà hiện đang dùng làm Phật điện tạm và tượng Quán Thế Âm Bồ Tát lộ thiên. Năm 2011, khởi công xây dựng ngôi chính

diện hình bát giác theo lối kiến trúc đặc trưng của hệ phái Khất sĩ, nhưng đến nay cũng vẫn còn dở dang, chỉ mới hoàn thiện xong phần thô. Hiện nay, vị trụ trì phụ trách tất cả mọi việc, đối nội và đối ngoại của tịnh xá là Đại đức Thích Giác Thiện. Năm 2010, Đại đức được Giáo hội Liên minh Phật giáo Lào bổ nhiệm trụ trì tịnh xá Ngọc Tâm. Đây là điều hết sức vinh dự và vui mừng cho Phật giáo Việt Nam ở Lào nói chung và Phật giáo Khất sĩ Việt Nam ở Lào nói riêng được lãnh Phật giáo Lào quan tâm giúp đỡ, từ khi còn là khu đất hoang cho đến ngày đặt đá khởi công xây dựng và sau đó là ra quyết định bổ nhiệm trụ trì.

Nếu so với hai giai đoạn trước thì giai đoạn này Phật giáo của người Việt ở Lào chỉ phát triển thêm duy nhất một ngôi tịnh xá. Tuy vậy, với sự trùng tu mới quy mô rộng lớn hơn, kiến trúc tráng lệ hơn của ba ngôi chùa: chùa Phật Tích ở Viêng Chăn (2010), chùa Long Vân (2014) và chùa Trang Nghiêm (2017) ở Champasak đã cho thấy sắc thái mới của Phật giáo người Việt ở Lào trong giai đoạn hiện nay gần gũi hơn với Phật giáo trong nước. Đồng thời cũng phản ánh phần nào về đời sống kinh tế của cộng đồng người Việt Nam ở Lào khá giả hơn so với giai đoạn trước.

Tháng 11 năm 2018, do có nhiều hoạt động tích cực đối với việc xây dựng mối quan hệ hữu nghị giữa Phật giáo hai nước, nên Phật giáo của người Việt ở Lào được Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Liên minh Phật giáo Lào cho phép thành lập *Ban Điều phối Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Lào* để hỗ trợ hoạt động bang giao của hai Giáo hội Phật giáo hai nước và tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý các cơ sở tự viện, hướng dẫn tăng ni, Phật tử người Việt đang sinh sống ở Lào tu học và sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo.

2. Thực trạng Phật giáo Việt Nam tại Lào

2.1. Số lượng chùa, tăng sĩ và Phật tử

Hiện nay, trên khắp đất nước Lào có 13 ngôi chùa và một ngôi tịnh xá Phật giáo của người Việt Nam. Ở cố đô Luang Phabang, miền Bắc Lào, có một ngôi chùa tên là Phật Tích (tiếng Lào là Wat Phabat). Ở thủ đô Viêng Chăn, Bắc Trung Lào, có 3 ngôi chùa và một ngôi tịnh xá: chùa Phật Tích, chùa Bàn Long, chùa Đại Nguyên và tịnh xá

Ngọc Tâm. Ở Khammuan, miền Trung Lào, có một ngôi chùa Bò Đề. Ở Savannakhet, Nam Trung Lào, có 3 ngôi chùa: chùa Bảo Quang, chùa Diệu Giác và chùa Pháp Hoa. Ở Champasak, miền Nam Lào, có 4 ngôi chùa: chùa Trang Nghiêm, chùa Long Vân, chùa Kim Sơn và chùa Thanh Quang. Tất cả những ngôi chùa nói trên, từ khi ra đời cho đến nay, đều do người Việt xây dựng và làm trụ trì. Trong số 13 ngôi chùa nêu trên, có hai ngôi chùa không có sư trụ trì, đó là chùa Đại Nguyên và chùa Bò Đề. Ở buổi đầu thành lập, hai ngôi chùa này cũng có sư trụ trì, nhưng sau đó không lâu, do nhiều nguyên nhân khách quan nên sư không ở được và đã qua nhiều năm cho đến nay vẫn không có sư đến ở lâu dài để tái thiết lại, thậm chí cũng không có người đem ngày hương khói. Hiện nay, trong khuôn viên nghĩa trang của người Việt ở Luang Phabang có một cơ sở thờ tự, mà người dân ở đây gọi là chùa, mặc dù từ trước đến nay không có bảng hiệu và cũng không có sư ở. Cũng giống như chùa Đại Nguyên trong khuôn viên nghĩa trang người Việt ở Viêng Chăn, nơi khu đất mà người ta quan niệm rằng bãi tha ma, âm thịnh dương suy, cho nên sư tăng không đủ đức tu, không đủ nguyện lực thì không thể ở được.

Giống như ở trong nước, Phật giáo Bắc tông của người Việt ở Lào cho phép nữ giới xuất gia, thọ Tỳ kheo giới và được đảm nhiệm trụ trì chùa như nam giới. Trong khi đó, Phật giáo Nam tông nói chung và Phật giáo Lào nói riêng đều không cho nữ giới nhận giới Tỳ kheo ni, mà chỉ được thọ tám giới và chỉ mặc y trắng, không được vấn y vàng như nam giới. Theo số liệu khảo sát thực địa vào tháng 9/2019, Phật giáo Việt Nam ở Lào có tổng cộng 10 Tăng và 8 Ni. Trong số 18 vị Tăng ni, chỉ 2 vị có quốc tịch Lào (Hòa thượng Thích Thái Phùng ở chùa Phật Tích, Đại đức Thích Giác Thiện ở tịnh xá Ngọc Tâm), 10 vị có thẻ ngoại kiều, 6 vị còn lại mang hộ chiếu phổ thông Việt Nam (không được cư trú dài hạn ở Lào).

Phật giáo ở trong nước cũng như ở nước ngoài, rất khó đưa ra con số chính xác về Phật tử. Phần lớn các chùa tổ chức quy y cho Phật tử vào các ngày lễ lớn đều không lưu lại số lượng. Mặt khác, có người đã quy y với chùa này rồi, sau đó lại quy y với chùa khác. Một hiện tượng phổ biến nữa là có nhiều người đi chùa, lễ Phật nhưng không

phải là Phật tử, mà chỉ là có cảm tình với đạo. Qua tổng hợp từ phiếu điều tra thực địa tại Lào vào tháng 3/2016 cho thấy, người Việt ở Lào đa số theo Phật giáo. Trong số 371 phiếu điều tra ngẫu nhiên thì có đến 349 phiếu trả lời theo Phật giáo (chiếm 94%). Trường hợp phổ biến, nhiều người khi còn ở Việt Nam không theo tôn giáo nào, nhưng khi sang Lào, sống trong môi trường quốc giáo là Phật giáo nên cũng có phần tác động quan trọng đến sự tín tâm của họ. Thậm chí, đời bố mẹ theo Công giáo, đến đời con, cháu lại theo Phật giáo, hoặc bản thân trước là tín đồ Công giáo rồi sau đó trở thành Phật tử, nhưng trường hợp này không nhiều. Tiêu chí để công nhận là Phật tử thì phải quy y Tam Bảo và thọ Ngũ giới. Từ phiếu điều tra thực địa cho thấy, có 138 trong số 348 người trả lời là có quy y Tam bảo (40%). Như vậy, người Việt ở Lào có cảm tình với Phật giáo thì nhiều, song để trở thành Phật tử có quy y Tam Bảo, có thọ Ngũ giới thì không nhiều (chỉ có khoảng 40%).

2.2. Hệ phái, tông phái và truyền thừa

Thông qua hành trạng các danh tăng Việt Nam hoằng pháp ở Lào trước đây cũng như xuất thân của các vị trụ trì chùa hiện nay cho thấy, Phật giáo của người Việt ở Lào, ngoại trừ Thiền Tông Trúc Lâm Việt Nam, đều có đại diện các tông phái của Phật giáo Bắc tông Việt Nam. Đặc biệt, trong thời kỳ Phật giáo Việt Nam hưng thịnh ở Lào, còn có xu hướng chuyển hình thức tu tập giống với Phật giáo Nam tông Lào như quán y vàng, trì bình khát thực, thiền tọa, nhưng vẫn duy trì tụng kinh, niệm Phật và ăn chay như Phật giáo Bắc tông, điển hình nhất là Hòa thượng Thích Trung Quán. Có thể xem đây là đặc trưng nổi bật, không nặng nề về tông phái của Phật giáo Việt Nam ở Lào. Một trong những đặc trưng của Phật giáo Việt Nam là hệ phái Khất sĩ. Hệ phái này ra đời trên cơ sở kết hợp những tinh hoa của hai hệ phái Phật giáo Nam tông và Bắc tông. Hệ phái Phật giáo Khất sĩ Việt Nam cũng có mặt ở Lào và trong những năm qua, cũng có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tâm linh của cộng đồng người Việt ở thủ đô Viêng Chăn.

Qua khảo sát thực tế, thật khó để nêu rõ ràng được các chi phái, tông phái của các đời trụ trì tại các chùa Phật giáo Bắc tông Việt Nam ở Lào, vì nhiều chùa không lập bài vị thờ trụ trì khi viên tịch. Nếu có,

thì cũng chỉ mới lập trong thời gian gần đây và cũng không đầy đủ thông tin. Nếu căn cứ vào tên của các vị ở linh vị, thì cũng khó phân biệt đó là pháp danh, pháp hiệu hay pháp tự để tìm ra ngôi thứ trong các bài kệ truyền thừa của các tông phái. Ngoài ra, có một số linh vị được thờ trên bàn thờ tổ lại không phải là các vị trụ trì tiền nhiệm, mà là các vị hòa thượng, danh tăng của Phật giáo Việt Nam.

Mặt khác cũng cho thấy, lịch sử truyền thừa, nhất là các chùa đã trải qua ba, bốn đời trụ trì đều có sự gián đoạn cả về thời gian và chuyển đổi tông phái. Mặt khác, phần lớn các vị trụ trì tại các chùa Việt ở Lào hiện nay không phải là người Việt sinh ra ở Lào, mà chủ yếu từ Việt Nam sang, có người mới sang chỉ được vài năm gần đây. Ngoại trừ chùa Thanh Quang là chùa của gia tộc họ Đoàn, luôn có người trong họ đi tu tiếp nối để kế nghiệp trụ trì. Đối với chùa Phật Tích ở Luang Phabang đang ở thế hệ thứ hai, do đệ tử tiếp nối, nhưng cũng đang rơi vào hoàn cảnh không có đệ tử người Việt tiếp nối thế hệ thứ ba, vì hiện tại chùa Phật Tích ở Luang Phabang chỉ có đệ tử người Lào vào tu gieo duyên. Nhìn chung, lịch sử truyền thừa Phật giáo Việt Nam ở Lào thường bị gián đoạn thời gian và phần lớn người kế thừa không phải là đệ tử của vị trụ trì đời trước. Và thường xuyên xảy ra hiện tượng đời trụ trì trước thuộc tông phái này, khi đến đời trụ trì sau lại theo tông phái khác. Song, điều đáng trân trọng là dù các vị trụ trì có chuyển đổi tông phái nào thì ngôi chùa Việt ở Lào qua thời gian vẫn giữ đặc trưng là ngôi chùa Phật giáo Việt Nam.

2.3. Tình hình sinh hoạt tôn giáo

2.3.1. Sự kế thừa đa dạng trong sinh hoạt

Xét theo quê quán và thời khóa tu tập, tụng kinh của các vị trụ trì tại các chùa Việt ở Lào hiện nay cho thấy đều có sự hiện diện đặc trưng văn hóa Phật giáo ở ba miền Việt Nam. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của di dân Việt ở Lào từ nhiều vùng miền khác nhau trong nước, nên các chùa Việt trong cùng một khu vực (tỉnh hoặc thành phố) đều có sự dung hợp đặc trưng văn hóa Phật giáo vùng miền. Thậm chí, trong một ngôi chùa từ sinh hoạt đến kiến trúc, thờ tự,... cũng không còn thuần nhất Phật giáo miền Bắc, miền Trung hay miền Nam. Không những thế, với mục đích vừa để tiếp độ người dân Lào vừa đáp

ứng nhu cầu tâm linh bà con người Việt nơi xa xứ, Phật giáo của người Việt ở Lào còn có sự giao lưu mạnh mẽ với văn hóa Phật giáo Nam tông Lào, điển hình như chùa Phật Tích ở Luang Phabang. Hiện nay, thời khóa tu tập, tụng niệm tại các chùa cũng có sự thay đổi, tùy thuộc vào quê hương xuất thân, cũng như mối quan hệ của sư trụ trì hiện tại với Phật giáo trong nước. Đồng thời, để phù hợp với hoàn cảnh xã hội thuần Phật giáo Nam tông, nên Phật giáo của người Việt ở Lào cũng đơn giản hóa về nghi lễ, không còn nặng cúng bái như ở Việt Nam. Hàng ngày cũng như ngày Sóc, Vọng hàng tháng, các chùa có thời khóa tụng kinh, lễ Phật, sám hối theo đặc trưng sinh hoạt từ Phật giáo ở từng vùng miền trong nước mà mỗi chùa đã kế thừa.

2.3.2. Hoạt động từ thiện xã hội

Kế thừa truyền thống Phật giáo Việt Nam xem trọng việc tích phúc, cứu người hơn nghi lễ hình thức: *Dù xây chín bậc phù đồ/Không bằng làm phúc cứu cho một người*, chư tăng ni, Phật tử của Phật giáo Việt Nam tại Lào luôn xem trọng công tác an sinh xã hội, sẻ chia khó khăn với bà con tha phương nơi đất khách. Bởi lẽ, hoạt động này không chỉ nhằm chia sẻ khó khăn, giúp đỡ mọi người khi gặp cảnh khó khăn, mà còn xây dựng tình đoàn kết trong cộng đồng người Việt nơi xa xứ. Tại các chùa Việt ở Lào, tuy không chính thức lập thành hội từ thiện nhưng đều có các hoạt động từ thiện, không chỉ giúp đỡ cho bà con người Việt mà còn cho cả người Lào tại địa phương vào những dịp lễ tết: Tết Nguyên Đán, rằm tháng Giêng, lễ Phật Đản, lễ Vu Lan. Ngoài ra, một số chùa còn tổ chức đoàn từ thiện đến phát quà cho người dân Lào ở các vùng sâu, vùng xa hoặc về giúp đỡ bà con ở các tỉnh miền Trung Việt Nam mỗi khi gặp thiên tai. Mặt khác, không hiếm chùa còn có nghĩa trang (chùa Đại Nguyên ở Viêng Chăn, chùa Kim Sơn ở Champasak), Vãng Sanh Đường - nhà để quan tài (chùa Bảo Quang, chùa Bàn Long trước đây) tại chùa để giúp đỡ những người chết nghèo khó hoặc không có nhà cửa. Một số chùa lập nhà dưỡng lão (tịnh xã Ngọc Tâm trước đây) để nuôi những người già neo đơn cả người Việt lẫn người Lào. Tại chùa Phật Tích ở Viêng Chăn, chùa Kim Sơn, chùa Long Vân nuôi các cụ già với hình thức vừa công quả vừa tu. Ngoài ra, để góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc nơi đất khách,

chùa đã mở lớp học tình thương cho con em Việt kiều học tiếng Việt (chùa Bàng Long, chùa Pháp Hoa). Thậm chí có chùa dành một phần khuôn viên để xây trường học tiếng Việt như chùa Bồ Đề ở Thakhek.

2.3.3. Hoạt động văn hóa

Phật giáo của người Việt ở Lào quan niệm rằng, nhà chùa không chỉ biết tụng kinh, gõ mõ mà còn phải biết góp phần chăm lo đời sống văn hóa cho cộng đồng. Tuy không phải chuyên môn, nhưng với sự tin tưởng của bà con trong cộng đồng, Thượng tọa Thích Minh Quang trụ trì chùa Phật Tích ở Viêng Chăn và Đại đức Thích Thanh Tịnh trụ trì chùa Long Vân ở Champasak đã đứng ra gánh vác trách nhiệm đào tạo, vận động tài chính duy trì và phát triển đội lân để phục vụ bà con vào những sự kiện quan trọng của cộng đồng, cũng như những ngày lễ hội truyền thống của dân tộc. Đặc biệt, nhằm góp phần giúp các cháu nhỏ có được không khí của ngày tết thiếu nhi, nhiều chùa Việt, điển hình nhất là chùa Phật Tích ở Viêng Chăn, năm nào vào ngày rằm tháng 8 cũng đều tổ chức Đêm Hội Trăng Rằm cho con em bà con người Việt ở Viêng Chăn. Buổi lễ diễn ra trong không khí ấm áp, kết nối các thế hệ trong cộng đồng, tràn ngập niềm vui với tiếng cười của các em. Để cho các em hưởng được món ăn tinh thần chứa chan tình cảm cộng đồng, nhà chùa còn chuẩn bị cho các em những món quà ý nghĩa như lồng đèn, bánh kẹo, nghe thư chúc Tết Nhi Đồng của Chủ tịch nước, xem chương trình văn nghệ với những bài hát tiếng Việt về nhi đồng Việt Nam, xem múa lân và biểu diễn nghệ thuật. Ngoài ra, vào những ngày lễ lớn của Phật giáo trong năm như rằm tháng Giêng, tháng Tư, tháng Bảy (các chùa Việt ở Lào không tổ chức rằm tháng Mười như ở Phật giáo miền Nam) và đặc biệt là Tết Nguyên Đán của dân tộc, chùa là nơi sinh hoạt văn hóa lễ hội, tín ngưỡng của mọi người và là địa chỉ đỏ cổ kết cộng đồng.

Với mong muốn hòa nhập đời sống văn hóa bản địa, ở phía trước sân ngoài chùa Phật Tích ở Luang Phabang có lán để thuyền đua của bản làng người Lào. Vào ngày lễ măn An cư Kiết hạ theo truyền thống Phật giáo Lào (vào ngày rằm tháng 9 âm lịch), dân làng đến chùa đưa thuyền ra sông Mêkông tham gia lễ hội đua thuyền cùng với các bản làng khác ở cố đô Luang Phabang. Hình ảnh những con thuyền lướt

nhANH trên dòng sông như muốn nói lên tâm tư được “tung tăng” của các sư sau ba tháng cấm túc an cư. Chùa Phật Tích ở Luang Phabang, tuy là chùa người Việt, nhưng tổ chức vào mùa Kiết hạ theo truyền thống Phật giáo Lào.

3. Một số vấn đề đặt ra với các ngôi chùa Việt ở Lào hiện nay

3.1. Quyền sở hữu đất thuộc khuôn viên chùa

Qua nghiên cứu thực tế cho thấy, phần lớn nguồn gốc đất lập chùa Việt ở Lào hết sức đa dạng. Với điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt hạn chế quyền sở hữu đất, cho nên không thể tự lập làng, lập xóm và càng không thể dựng chùa làng như ở Việt Nam. Mặc dù, thời kỳ Pháp đô hộ ở Lào cũng có làng người Việt, như ở Pakse có xóm Tân An, xóm Nhà Đèn, xóm Sân Bay, xóm Đá; ở Viêng Chăn có xóm An Nam, nhưng đây là những xóm người Việt mang tính bắt buộc để chính quyền Pháp dễ quản lý, nó không xuất phát từ sự tự nguyện như kiểu “đất lành chim đậu” của những đoàn người di cư khai hoang, lập làng, lập ấp để định cư. Từ điều kiện cư trú của người dân Việt tại vùng đất mới, mà nguồn gốc lập chùa Việt ở Lào cũng có đặc điểm riêng. Ở buổi đầu, phần lớn các chùa Việt được tạo lập đều do cá nhân người Việt khởi xướng, về sau bà con trong cộng đồng quyên góp tài chính để mở rộng thêm. Một vài trường hợp cá biệt như chùa Long Vân do người Lào phát tâm cúng dường đất hay chùa Phật Tích ở Luang Phabang được xây dựng trên nền cũ của chùa Lào. Qua đó, phần nào cho thấy mối quan hệ thân thiện giữa dân chính cư và dân ngụ cư Lào - Việt Nam. Đối với chùa Phật Tích ở Viêng Chăn được xây dựng trên phần đất nghĩa địa của ngoại kiều đã được di dời. Tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn nơi đất khách, nhưng với tinh thần mộ Phật giáo của người dân Việt, cho nên dù đi đâu, hoàn cảnh nào cũng phải có ngôi chùa để gửi gắm tâm linh. Chính vì sự đa dạng về nguồn gốc đất lập chùa như vậy, nên hiện nay, phần lớn các ngôi chùa Việt ở Lào đều chưa có giấy chủ quyền đất. Nếu xảy ra tranh chấp, đền bù hay trùng tu mới, chắc chắn sẽ gặp khó khăn nhất định. Điều đáng nói, hiện nay vẫn chưa xác định rõ cá nhân hay tổ chức nào là người đại diện sở hữu để tiến hành các thủ tục để cơ quan chức năng của Lào cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất.

3.2. Vấn đề cư trú của tăng ni người Việt ở Lào

Có thể nói, dù ở trong nước hay ở Lào, người trụ trì được xem là linh hồn của một ngôi chùa. Vị trụ trì có sức ảnh hưởng lớn đến việc phát triển của một ngôi chùa và cộng đồng Phật tử tại địa phương. Hiện nay, các chùa Việt ở Lào đều có tình trạng phổ biến “nhất tự nhất tăng” và nhiều tăng ni người Việt ở Lào đều mang hộ chiếu phổ thông Việt Nam. Trường hợp muốn cư trú lâu dài ở Lào, các vị này phải gia hạn hàng tháng bằng cách sang Thái Lan, hoặc Việt Nam rồi qua lại Lào như những trường hợp lao động bất hợp pháp ở Lào. Hoặc phải xin VISA của chính phủ Lào. Tuy nhiên, thủ tục pháp lý để chính phủ Lào cấp VISA cư trú dài hạn đối với một cá nhân thì cần phải có cơ quan bảo lãnh. Trường hợp lao động, các công ty Việt Nam đầu tư kinh doanh ở Lào bảo lãnh và đóng thuế thì sẽ được cấp VISA. Đối với tu sĩ, đây là trường hợp đặc thù, cần phải có tổ chức phù hợp đứng ra bảo lãnh theo đúng với quy định của pháp luật Lào thì mới được cư trú dài hạn. Điều này có ảnh hưởng rất lớn đối với sự ổn định, phát triển lâu dài của Phật giáo Việt Nam ở Lào, đặc biệt là mỗi khi chính sách cư trú đối với người nước ngoài của chính phủ Lào thay đổi.

3.3. Tăng ni kế thừa

Vào chùa thế phát xuất gia, gia nhập Tăng đoàn là một nhân duyên lớn, được gieo trồng từ trước, mà nhân gian thường bảo rằng người có căn thì mới đi tu được. Vấn đề nan giải đối với hầu hết các ngôi chùa Việt ở Lào đó là nhân sự kế thừa. Có thể nói, với điều kiện vật chất phát triển của xã hội hiện tại đã tác động lớn đến đời sống tâm linh của thế hệ thanh thiếu niên hiện nay. Đã nhiều năm, các chùa Việt ở Lào luôn thiếu bóng dáng thế hệ trẻ người Việt vào chùa tu làm tiểu, làm Sadi. Qua thực tế cho thấy, người Việt mới sang Lào chủ yếu lao động, kinh doanh để có thể nuôi gia đình và nếu có dư thì gửi về chăm lo cho bố mẹ, ông bà ở quê nhà. Phần lớn họ là lao động chính của gia đình, cho nên lý tưởng vào chùa thế phát xuất gia, từ bỏ cuộc sống thế tục là rất khó. Đối với những người Việt được sinh ra và lớn lên tại Lào, những người trẻ này, đa phần họ sống xen kẽ với người dân Lào, chơi chung với bạn bè người Lào, đã quen với lối sống văn hóa, xã hội Lào. Cho nên, họ thường vào chùa Lào tu theo truyền thống Phật giáo

Nam tông Lào, mà ít khi vào chùa Việt để tu. Nhìn vào thực tế mà nói, đi tu theo tập tục của người Lào có phần dễ hơn so với quan niệm của người Việt, sau khi hoàn tục được cộng đồng, xã hội Lào tôn trọng.

Để giải quyết vấn đề thiếu tăng ni ở chùa, Ban Hộ tự, hoặc Hội người Việt Nam tại các địa phương thường về Việt Nam thỉnh chư tăng ni sang đảm nhiệm trụ trì nhưng thực tế cho thấy, nhiều năm qua không thành công cho lắm. *Thứ nhất*, chưa đảm bảo về thủ tục pháp lý cư trú dài hạn. *Thứ hai*, nhân thân tăng ni chưa rõ ràng, chủ yếu do quen biết giới thiệu, không thông qua Giáo hội Phật giáo Việt Nam công cử, chưa thực sự có tâm nguyện dần thân lâu dài để phụng sự đời sống tâm linh cho bà con cộng đồng người Việt ở Lào. *Thứ ba*, trao quyền chưa rõ ràng giữa Ban Hộ tự với tăng ni mới sang đảm nhiệm trụ trì. Cho nên, vị trụ trì mới không phát huy hết năng lực của mình để phát triển cơ sở vật chất cũng như các hoạt động hoằng pháp đối với cộng đồng người Việt ở các địa phương.

Với thực trạng như vậy cho thấy, các ngôi chùa Việt ở Lào đều luôn trong tình trạng thiếu tăng ni. Trước những vấn đề đặt ra hiện nay, để Phật giáo Việt Nam tại Lào phát triển bền vững trong tương lai, thì các chùa, các vị trụ trì hiện tại phải mạnh dạn thay đổi, phấn đấu xây dựng môi trường lý tưởng để thu hút giới trẻ người Việt ở Lào vào chùa tu gieo duyên giống như Phật giáo Lào. Qua đó, làm phương tiện để đưa đến lý tưởng dành trọn đời phụng sự cho cộng đồng, cho đời sống tâm linh đối với thế hệ trẻ người Việt ở Lào.

3.4. Ban Hộ tự

Ban Hộ Tự do một nhóm Phật tử có tâm phụng sự Phật pháp lập ra. Những Phật tử này đã từng tham gia kiến tạo chùa hoặc đã dày công trông giữ trong thời gian không có tăng ni trụ trì, được bà con Phật tử tại địa phương công cử vào Ban để tiếp tục góp sức, góp của giữ gìn và phát triển cơ sở vật chất, phục vụ tâm linh cho cộng đồng. Người được tín nhiệm làm Trưởng Ban đương nhiên không phải là sư mà là một Phật tử. Tùy vào khả năng chuyên môn của Phật tử mà tự nguyện đảm trách công việc trong Ban Hộ tự.

Ở Pakse tỉnh Champasak, có bốn chùa Việt trong cùng một khu vực, song chùa nào thì có riêng Ban Hộ tự của chùa ấy, như: Ban Hộ

tự chùa Trang Nghiêm, Ban Hộ tự chùa Thanh Quang và Ban Hộ tự chùa Long Vân. Sự phân chia đó nhằm để chuyên trách các Phật sự riêng của từng chùa, không ảnh hưởng đến sự gắn kết cộng đồng, mỗi khi chùa này có tổ chức lễ thì Phật tử ở chùa kia cũng đều vui vẻ đến dự lễ. Trường hợp ở thành phố Savannakhet, tính gắn kết cộng đồng thể hiện rõ nét. Phật tử ở đây đứng ra thành lập Ban Hộ tự và Hội Phật tử để trông coi cả hai chùa Bảo Quang và chùa Diệu Giác. Vừa do vị trí địa lý gần nhau, vừa do từ trong lịch sử hai ngôi chùa này có cùng hoàn cảnh và đều do cộng đồng người Việt ở đây bảo trợ cho đến nay. Chùa Diệu Giác dành cho chư Ni, còn chùa Bảo Quang dành cho chư Tăng, song mọi sinh hoạt văn hóa tâm linh của bà con người Việt ở Savannakhet đều thể hiện tinh thần đoàn kết, qua lại với nhau, không có sự phân biệt là Phật tử của chùa nào.

Bên cạnh nhiệm vụ cơ bản là duy trì cơ sở vật chất của nhà chùa, Ban Hộ tự còn có nhiệm vụ hết sức quan trọng đó là tìm kiếm tăng ni làm trụ trì. Thông thường, Trưởng ban có bổn phận về Việt Nam tìm người có đức, có tâm để thỉnh sang đảm nhiệm vai trò trụ trì chùa. Tuy nhiên, có một vấn đề tế nhị, đó là sự ứng xử thiếu hài hòa giữa Ban Hộ tự và vị trụ trì mà chính Ban Hộ tự thỉnh từ Việt Nam sang. Thông thường Ban Hộ tự cho rằng, vị tăng mới sang không ở lâu dài, cho nên không thể giao toàn quyền đối nội, đối ngoại của chùa cho sư, mà mọi vấn đề lớn nhỏ liên quan đến chùa, đến cộng đồng đều phải thông qua Ban Hộ tự. Trong khi đó, vị tăng này lại nghĩ rằng, bản thân không được quyền quyết định, do đó cũng không thể có những kế hoạch dài lâu cho sự phát triển cơ sở vật chất, cũng như hoằng pháp trong cộng đồng. Thậm chí, không hiếm trường hợp xảy ra mâu thuẫn giữa Ban Hộ tự và trụ trì. Một khi Ban Hộ tự không đồng ý những hoạt động của trụ trì thì vị trụ trì này thường chọn về nước để tiếp tục lý tưởng phụng sự đạo pháp. Sau đó, Ban Hộ tự lại phải về Việt Nam để thỉnh tu sĩ khác sang thay. Về Việt Nam thỉnh được tu sĩ sang làm trụ trì đã khó, mà tìm được người có đủ điều kiện gắn bó lâu dài với chùa, có tâm phục vụ cộng đồng càng khó hơn. Cho nên, muốn Phật giáo Việt Nam ở Lào phát triển hơn trong tương lai, đòi hỏi Ban Hộ tự phải linh hoạt hơn trong quyền hạn quản lý và phải khuyến hóa được con em người Việt sinh ra ở Lào, hoặc người Lào vào chùa Việt tu, sau đó trở

thành người kế thừa vai trò trụ trì chùa để đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của cộng đồng người Việt ở Lào. Nhìn chung, mặc dù có những vướng mắc trong cách điều hành, song việc tồn tại từ buổi đầu lập chùa cho đến nay cho thấy chức năng quan trọng của Ban Hộ tự trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt ở Lào là giữ gìn và phát triển cơ sở vật chất ngôi chùa Việt để làm nơi phục vụ đời sống tâm linh cho bà con nơi xa xứ; cổ kết cộng đồng Phật tử nói riêng và cộng đồng người Việt ở mỗi địa phương trên đất nước Lào nói chung; chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn của đồng bào nơi đất khách.

Kết luận

Người Việt ở Lào đã cùng nhau xây dựng lên những ngôi chùa thờ Phật, ngoài việc đáp ứng nhu cầu tâm linh mà còn góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam nơi đất khách. Ban đầu chỉ là những am nhỏ thờ Phật, sau đó, phát triển dần thành ngôi chùa với đặc trưng kiến trúc văn hóa Phật giáo Việt Nam. Giai đoạn từ sau năm 1956 đến năm 1977 là thời kỳ phát triển nhất của Phật giáo Việt Nam ở Lào. Bên cạnh việc thiết lập hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương là sự ra đời của nhiều ngôi chùa Việt từ Bắc đến Nam Lào. Sau giải phóng, chư vị hòa thượng lần lượt về nước, hoặc tiếp tục ra hải ngoại để hoằng pháp, nên tổ chức Phật giáo của người Việt nhanh chóng tan rã, tồn tại đơn lẻ, như tín ngưỡng dân gian, đáp ứng nhu cầu tâm linh, cầu an, cầu siêu cho cộng đồng người Việt ở Lào.

Những năm gần đây, sự phát triển kinh tế - xã hội Lào, cũng như sự đi lại thuận lợi giữa hai nước Lào - Việt Nam đã góp phần làm cho Phật giáo của người Việt ở Lào phát triển trở lại với sắc thái mới, đó là tính đa dạng trong sinh hoạt được kế thừa từ đặc trưng văn hóa Phật giáo ở các vùng miền trong nước. Nhiều kinh sách, băng đĩa và văn hóa phẩm Phật giáo cũng được nhập từ Việt Nam sang để phổ cập đến đông đảo người Việt ở Lào. Ngoài ra, vào những ngày sóc, vọng trong ba tháng hạ tại một số chùa cũng có tổ chức thuyết giảng giáo lý căn bản cho Phật tử.

Kế thừa tinh thần nhập thế của Phật giáo trong nước, Phật giáo của người Việt ở Lào luôn hòa mình, chia sẻ những khó khăn, giúp cho cộng đồng bà con người Việt ở Lào có thêm nghị lực vượt qua những

trắc trở ở buổi đầu di cư. Chư tăng ni, Phật tử không chỉ biết tụng kinh, gõ mõ mà còn xem việc chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho cộng đồng như một phần trách nhiệm của bản thân. Từ lâu, ngôi chùa đã trở thành không gian văn hóa cộng đồng, là địa chỉ đỏ sinh hoạt tín ngưỡng và thực hiện tinh thần tương thân tương ái. Những sinh hoạt văn hóa tinh thần được tổ chức tại các ngôi chùa Việt đã, đang và sẽ góp phần tăng cường sự cố kết cộng đồng trong bà con người Việt; giúp gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; hơn thế nữa nó còn mang ý nghĩa kết nối các thể hệ người Việt ở Lào, đặc biệt là thế hệ thứ ba, thứ tư trở đi có ý thức về nguồn cội.

Mặc dù, hiện nay đang tồn tại một số khó khăn đối với việc phát triển lâu dài của Phật giáo Việt Nam ở Lào, nhưng tin chắc rằng với sự quan tâm, giúp đỡ nhiệt tình của các cấp chính quyền sở tại, đặc biệt là sự điều hành của Ban Điều phối Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Lào, những khó khăn đó sẽ sớm khắc phục trong thời gian tới./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động khóa I của Tổng Hội người Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tr. 1.
- 2 Trần Thị Mai (1998), *Lịch sử bang giao Việt Nam - Đông Nam Á*, Tủ sách Khoa Đông Nam Á học, Đại học Mở - Bán Công Tp. Hồ Chí Minh, tr. 37.
- 3 Thích Trí Quảng, Võ Văn Sen (2016), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam 35 năm hình thành & phát triển*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 1013-1014.
- 4 Phòng văn ông Trần Đền ngày 19/03/2016 tại tư gia ở thành phố Kaysone, Savannakhet.
- 5 Phòng văn ông Phạm Văn Tuyên ngày 20/03/2016 tại chùa Bảo Quang.
- 6 Phòng văn Ni sư Thích Đàm Luân ngày 20/03/2016 tại chùa Diệu Giác.
- 7 Hiện nay, ở hai bên hàng hiên, trước chính điện chùa Diệu Giác, nơi thờ hai đức Hộ Pháp và đức Tiêu Diện còn khắc rõ năm kiến tạo chùa là 1932 và đại trùng tu vào năm 1997.
- 8 Phòng văn bà Trần Thị Nhơn và ông Trần Văn Hành pháp danh Nghiêm Đăng ngày 20 tháng 03 năm 2016 tại tư gia, thành phố Kaysone, Savannakhet.
- 9 Nguyễn Thị Lệ Mỹ (2004), *Cộng đồng người Việt định cư ở Lào*, Đại học Mở - Bán công Tp. Hồ Chí Minh, tr. 23.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Báo cáo Tổng kết 5 năm hoạt động nhiệm kỳ I (2010-2015)* của Tổng Hội người Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Viêng Chăn, 2015.
2. Lê Thị Hồng Diệp (2007), *Đời sống văn hóa của người Việt định cư ở thành phố Viêng Chăn (Lào)*, Luận văn tốt nghiệp Cao học Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trần Thị Mai (1998), *Lịch sử bang giao Việt Nam - Đông Nam Á*, Tủ sách Khoa Đông Nam Á học, Đại học Mở - Bán Công Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Lệ Mỹ (2004), *Cộng đồng người Việt định cư ở Lào*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Đại học Mở - Bán công Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Thích Trí Quảng, Võ Văn Sen (2016), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam 35 năm hình thành & phát triển*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Nguyễn Lệ Thi (2007), “Chùa của người Việt ở Lào”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2.
7. Phạm Đức Thành (chủ biên, 2008), *Cộng đồng người Việt ở Lào trong mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Duy Thiệu (chủ biên, 2008), *Di cư và chuyển đổi lối sống - Trường hợp cộng đồng người Việt ở Lào*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

Abstract

HISTORY OF FORMATION, DEVELOPMENT, AND SITUATION OF VIETNAM BUDDHISM IN LAO

Thích Minh That

Most Virtuous

*Chief Secretary of Coordination Committee
of Vietnam Buddhist Shanga in Laos*

The article adds materials about Vietnam Buddhism in general, Buddhism of the Vietnamese community in Laos in particular. The article includes 3 contents as follows: 1) History of formation and development of Vietnam Buddhism in Laos from 1955 to the present; 2) Current situation of Vietnam Buddhism in Laos; 3) Some issues of the Vietnamese Buddhist temples in Laos today. Through research on the Vietnamese Buddhist temples in Laos, the author determines the time of introduction and development of Vietnam Buddhism in Laos and its Buddhist activities in the life of the Vietnamese community. This paper indicates the current difficulties, a solution for the sustainable development of Vietnam Buddhism in Laos in the future.

Keywords: Vietnamese Buddhist temple; community; Vietnamese people; Laos; Vietnam Buddhism.